

CHIẾT TÍNH PHỤ TRỢI NĂM HỌC 2014 - 2015  
KHOA CÔNG NGHỆ ĐIỆN - ĐIỆN TỬ

| STT | HỌ TÊN                | Khung định mức<br>giờ chuẩn | Tổng số tiết thực<br>hiện thừa thiếu NH<br>2014 -2015 | Số tiết<br>thừa<br>13-14 | Số tiết<br>thiếu NH<br>(14-15)<br>sau khi<br>trừ NH<br>(13-14) | Tổng<br>hệ số | Lương<br>12 tháng | Lương<br>dạy<br>thêm 1<br>giờ | Tổng số tiền                      |                                                    |                                                    |            | Số thuế<br>TNCN<br>tạm khấu<br>trừ | Số tiền<br>thực nhận | Ghi chú |
|-----|-----------------------|-----------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------|-------------------|-------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------|------------------------------------|----------------------|---------|
|     |                       |                             |                                                       |                          |                                                                |               |                   |                               | Phụ trợi<br>tính đến<br>(200tiết) | Số tiền<br>(thừa trên<br>200 tiết năm<br>2013-2014 | Số tiền<br>(thừa trên<br>200 tiết năm<br>2014-2015 | Tổng cộng  |                                    |                      |         |
| 1   | 2                     | 3                           | 4                                                     | 5                        | 6                                                              | 7             | 8                 | 9                             | 10                                | 11                                                 | 12                                                 | 13         | 14                                 | 15                   | 16      |
| 1   | Hồ Thị Anh            | 310                         | 87,4                                                  | 36,4                     | 0,0                                                            | 7,460         | 102.948.552       | 215.541                       | 18.838.283                        | 2.002.000                                          |                                                    | 20.840.283 | 1.434.128                          | 19.406.155           |         |
| 2   | Ngô Hoàng Anh         | 290                         | 108,2                                                 | 41,8                     | 0,0                                                            | 5,357         | 73.922.460        | 165.443                       | 17.900.933                        | 2.299.000                                          |                                                    | 20.199.933 | 1.384.943                          | 18.814.990           |         |
| 3   | Châu Văn Bảo          | 290                         | 227,2                                                 | 0,0                      | 0,0                                                            | 5,631         | 77.703.660        | 173.906                       | 34.781.200                        | 0                                                  | 1.496.000                                          | 36.277.200 | 3.286.693                          | 32.990.507           |         |
| 4   | Vũ Hạnh Chiêu         | 260                         | (5,7)                                                 |                          | (5,7)                                                          | 3,990         | 55.062.000        | 137.451                       |                                   |                                                    |                                                    | 0          | 0                                  | 0                    |         |
| 5   | Ngô Phong Cường       | 260                         | (77,5)                                                | 186,7                    | 0,0                                                            | 4,020         | 55.476.000        | 138.485                       |                                   | 6.006.000                                          |                                                    | 6.006.000  | 350.600                            | 5.655.400            |         |
| 6   | Nguyễn Minh Đức Cường | 260                         | 44,4                                                  | 70,4                     | 0,0                                                            | 3,338         | 46.057.500        | 114.973                       | 5.104.801                         | 3.872.000                                          |                                                    | 8.976.801  | 477.520                            | 8.499.281            |         |
| 7   | Tạ Minh Cường         | 290                         | 68,6                                                  | 0,0                      | 0,0                                                            | 5,299         | 73.128.960        | 163.667                       | 11.227.556                        | 0                                                  |                                                    | 11.227.556 | 498.504                            | 10.729.052           |         |
| 8   | Võ Cường              | 290                         | (5,2)                                                 | 213,5                    | 0,0                                                            | 4,869         | 67.189.440        | 150.374                       |                                   | 11.456.500                                         |                                                    | 11.456.500 | 968.475                            | 10.488.025           |         |
| 9   | Nguyễn Thùy Dương     | 260                         | (42,5)                                                |                          | (42,5)                                                         | 3,960         | 54.648.000        | 136.418                       |                                   |                                                    |                                                    | 0          | 0                                  | 0                    |         |
| 10  | Lê Tiến Đạt           | 290                         | (7,2)                                                 |                          | (7,2)                                                          | 4,496         | 62.037.900        | 138.845                       |                                   |                                                    |                                                    | 0          | 0                                  | 0                    |         |
| 11  | Nguyễn Hồng Đức       | 310                         | (65,6)                                                |                          | (65,6)                                                         | 6,789         | 93.688.200        | 196.152                       |                                   |                                                    |                                                    | 0          | 0                                  | 0                    |         |
| 12  | Nguyễn Minh Đức (A)   | 310                         | 237,0                                                 | 0,0                      | 0,0                                                            | 8,312         | 114.707.173       | 240.159                       | 48.031.800                        | 0                                                  | 2.035.000                                          | 50.066.800 | 5.264.050                          | 44.802.750           |         |
| 13  | Nguyễn Minh Đức (B)   | 290                         | (52,8)                                                |                          | (52,8)                                                         | 5,546         | 76.536.180        | 171.293                       |                                   |                                                    |                                                    | 0          | 0                                  | 0                    |         |
| 14  | Nguyễn Thị Ngọc Hiền  | 290                         | (56,7)                                                |                          | (56,7)                                                         | 4,496         | 62.037.900        | 138.845                       |                                   |                                                    |                                                    | 0          | 0                                  | 0                    |         |
| 15  | Trần Trung Hiếu       | 290                         | 55,3                                                  |                          | 0,0                                                            | 4,529         | 62.497.440        | 139.873                       | 7.734.977                         | 0                                                  |                                                    | 7.734.977  | 265.665                            | 7.469.312            |         |
| 16  | Mạnh Lê Hoàn          | 290                         | (43,4)                                                |                          | (43,4)                                                         | 4,496         | 62.037.900        | 138.845                       |                                   |                                                    |                                                    | 0          | 0                                  | 0                    |         |
| 17  | Lê Thế Huân           | 290                         | 60,5                                                  |                          | 0,0                                                            | 4,496         | 62.037.900        | 138.845                       | 8.400.123                         | 0                                                  |                                                    | 8.400.123  | 310.008                            | 8.090.115            |         |

| STT | HỌ TÊN            |       | Khung định mức giờ chuẩn | Tổng số tiết thực hiện thừa thiếu NH 2014 -2015 | Số tiết thừa 13-14 | Số tiết thiếu NH (14-15) sau khi trừ NH (13-14) | Tổng hệ số | Lương 12 tháng | Lương dạy thêm 1 giờ | Tổng số tiền                |                                           |                                           |            | Số thuế TNCN tạm khấu trừ | Số tiền thực nhận | Ghi chú |
|-----|-------------------|-------|--------------------------|-------------------------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|------------|----------------|----------------------|-----------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|------------|---------------------------|-------------------|---------|
|     |                   |       |                          |                                                 |                    |                                                 |            |                |                      | Phụ trội tính đến (200tiết) | Số tiền (thừa trên 200 tiết năm 2013-2014 | Số tiền (thừa trên 200 tiết năm 2014-2015 | Tổng cộng  |                           |                   |         |
| 18  | Nguyễn Trọng      | Huân  | 260                      | (42,4)                                          |                    | (42,4)                                          | 3,990      | 55.062.000     | 137.451              |                             |                                           |                                           | 0          | 0                         | 0                 |         |
| 19  | Tăng Cẩm          | Huê   | 290                      | 61,8                                            | 73,4               | 0,0                                             | 4,801      | 66.251.040     | 148.274              | 9.163.333                   | 4.037.000                                 |                                           | 13.200.333 | 771.883                   | 12.428.450        |         |
| 20  | Trần Thị          | Lệ    | 310                      | 64,6                                            | 60,6               | 0,0                                             | 7,993      | 110.302.020    | 230.936              | 14.918.466                  | 3.333.000                                 |                                           | 18.251.466 | 1.241.797                 | 17.009.669        |         |
| 21  | Nguyễn Huỳnh      | Liên  | 310                      | 97,5                                            | 173,6              | 0,0                                             | 8,610      | 118.819.573    | 248.769              | 24.254.978                  | 9.548.000                                 |                                           | 33.802.978 | 3.493.597                 | 30.309.381        |         |
| 22  | Nguyễn Thùy       | Linh  | 260                      | 75,0                                            |                    | 0,0                                             | 3,338      | 46.057.500     | 114.973              | 8.622.975                   | 0                                         |                                           | 8.622.975  | 324.865                   | 8.298.110         |         |
| 23  | Huỳnh Ngọc        | Mai   | 310                      | 78,2                                            | 79,7               | 0,0                                             | 6,444      | 88.923.060     | 186.176              | 14.558.963                  | 4.383.500                                 |                                           | 18.942.463 | 1.363.421                 | 17.579.042        |         |
| 24  | Đặng Đức          | Minh  | 290                      | 90,2                                            | 15,2               | 0,0                                             | 4,496      | 62.037.900     | 138.845              | 12.523.819                  | 836.000                                   |                                           | 13.359.819 | 668.521                   | 12.691.298        |         |
| 25  | Nguyễn Thị Tổ     | Nga   | 290                      | 29,7                                            | 6,3                | 0,0                                             | 4,496      | 62.037.900     | 138.845              | 4.123.697                   | 346.500                                   |                                           | 4.470.197  | 154.782                   | 4.315.415         |         |
| 26  | Nguyễn Trần Thanh | Nhàn  | 290                      | 0,1                                             |                    | 0,0                                             | 4,529      | 62.497.440     | 139.873              | 13.987                      | 0                                         |                                           | 13.987     | 0                         | 13.987            |         |
| 27  | Đỗ Huỳnh Thanh    | Phong | 260                      | 111,0                                           |                    | 0,0                                             | 3,338      | 46.057.500     | 114.973              | 12.762.003                  | 0                                         |                                           | 12.762.003 | 600.800                   | 12.161.203        |         |
| 28  | Nguyễn Anh        | Tăng  | 290                      | 162,5                                           | 19,8               | 0,0                                             | 5,357      | 73.922.460     | 165.443              | 26.884.488                  | 1.089.000                                 |                                           | 27.973.488 | 2.152.398                 | 25.821.090        |         |
| 29  | Quách Minh        | Thử   | 260                      | 109,0                                           | 44,8               | 0,0                                             | 4,290      | 59.202.000     | 147.786              | 16.108.674                  | 2.464.000                                 |                                           | 18.572.674 | 1.230.467                 | 17.342.207        |         |
| 30  | Trần Công         | Tiến  | 310                      | 98,1                                            | 39,8               | 0,0                                             | 6,373      | 87.950.160     | 184.139              | 18.064.036                  | 2.189.000                                 |                                           | 20.253.036 | 1.384.754                 | 18.868.282        |         |
| 31  | Bốc Minh          | Trí   | 260                      | (0,8)                                           | 100,2              | 0,0                                             | 3,960      | 54.648.000     | 136.418              |                             | 5.467.000                                 |                                           | 5.467.000  | 296.700                   | 5.170.300         |         |
| 32  | Nguyễn Trọng      | Trí   | 260                      | 31,0                                            | 44,8               | 0,0                                             | 4,256      | 58.732.800     | 146.615              | 4.545.065                   | 2.464.000                                 |                                           | 7.009.065  | 299.404                   | 6.709.661         |         |
| 33  | Trần Hiếu         | Trinh | 290                      | 4,3                                             |                    | 0,0                                             | 4,496      | 62.037.900     | 138.845              | 597.034                     | 0                                         |                                           | 597.034    | 0                         | 597.034           |         |
| 34  | Nguyễn Văn        | Yên   | 310                      | (20,6)                                          |                    | (20,6)                                          | 6,005      | 82.866.240     | 173.495              |                             |                                           |                                           | 0          | 0                         | 0                 |         |
| 35  | Lê Hồng           | Vân   | 310                      | 23,0                                            |                    | 0,0                                             | 8,879      | 122.530.476    | 256.539              | 5.900.397                   | 0                                         |                                           | 5.900.397  | 196.680                   | 5.703.717         |         |
| 36  | Nguyễn Văn        | Thành | 310                      | 36,3                                            |                    |                                                 | 6,398      | 88.291.020     | 184.852              | 6.710.128                   | 0                                         |                                           | 6.710.128  | 223.671                   | 6.486.457         |         |